

Bản án số: 08/2024/HNGĐ-ST
Ngày 01 - 03 - 2024
“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM DƯƠNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Hanh
- Bà Kiều Thị Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 03 tháng 11 năm 2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành N đăng ký kết hôn ngày 21 tháng 12 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới, chị về ở và làm ăn chung với gia đình anh N. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2014, chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan và đến năm 2015, anh N đi xuất khẩu lao động ở Đài

Loan. Quá trình vợ chồng chị đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan, vợ chồng chị thỉnh thoảng gặp nhau tại khu nhà trọ của chị, mỗi lần khoảng 2 đến 3 ngày. Tháng 3 năm 2022, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chị không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng chị thường xuyên cãi nhau. Cuối năm 2022, anh Nam về địa phương. Tháng 7 năm 2023, chị về địa phương và vợ chồng chị chấm dứt quan hệ tình cảm. Tháng 8 năm 2023, chị về gia đình bố mẹ đẻ chị ở cho đến nay. Ngày 02 tháng 12 năm 2023, anh N rời khỏi địa phương cho đến nay, nhưng cụ thể anh N đi đâu, làm gì thì chị không biết. Vợ chồng chị mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay không dàn xếp gì. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nam.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 07/9/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Tường M, sinh ngày 28/02/2012. Hiện nay, hai cháu đều đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị được nuôi cả 02 con. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Chị và anh N không có tài sản cho ai vay và không vay của ai tài sản gì.

- Bị đơn anh Nguyễn Thành N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N cũng như không tiến hành hòa giải giữa các đương sự theo quy định của pháp luật được. Anh N không có yêu cầu phản tố. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh N không có ý kiến gì liên quan đến chứng cứ do chị H cung cấp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã lấy lời khai của cháu Nguyễn Ngọc Ng và cháu Nguyễn Ngọc Tường M. Cháu Ng và cháu M đều có nguyện vọng được ở với chị H.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, như: Cung cấp đầy đủ, kịp thời các chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án cho Tòa án, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do là chưa thực hiện đúng quy định

tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thành N; về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Ng và cháu Nguyễn Ngọc Tường M cho chị H nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, đất canh tác: Chị H không yêu cầu giải quyết và anh N vắng mặt không có quan điểm nên không xem xét; về công nợ: Không có; về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Do bị đơn anh Nguyễn Thành N có nơi cư trú tại thôn P, xã T, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Nguyễn Thành N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N không đến Tòa án để giải quyết nên trong hồ sơ không có lời khai của anh N và Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị H đã cung cấp, ghi đầy đủ đúng địa chỉ nơi cư trú của anh N cho Tòa án nhưng anh N cố tình giấu địa chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 17/01/2024, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và niêm yết theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Đỗ Thị Th là mẹ anh N và bà Th cam đoan thông báo ngay cho anh N nhưng anh N vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án đã niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định, ngoài ra còn giao quyết định hoãn phiên tòa cho bà Đỗ Thị Th và bà Th cam đoan thông báo ngay cho anh N. Tại phiên tòa hôm nay, anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thành N là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của chị H và anh N là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, cũng như trong quá

trình giải quyết tại Tòa án, chị H cương quyết xin ly hôn còn anh N vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân theo lời trình bày của chị H là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Đỗ Thị Th là mẹ của anh N thể hiện năm 2014, chị H đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan và đến năm 2015, anh N đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Cuối năm 2020, anh N về địa phương. Tháng 7 năm 2023, chị H về địa phương. Quá trình chị H, anh N đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan có mâu thuẫn gì với nhau hay không thì bà không biết. Tuy nhiên, khi ở Đài Loan, chị H và anh N thỉnh thoảng có gặp nhau. Tháng 7 năm 2023, khi chị H về địa phương, vợ chồng chị H, anh N không có quan hệ tình cảm. Chị H không cho anh N ngủ cùng. Tháng 8 năm 2023, chị H bỏ về gia đình bố mẹ đẻ chị ở cho đến nay. Anh N đi làm thuê xa nhà từ ngày 02 tháng 12 năm 2023 cho đến nay, nhưng cụ thể anh N làm công việc gì, ở đâu thì bà Th không biết. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Th cũng đã nhận thay anh N các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh N và bà Th đều thông báo cho anh N được biết nhưng vì anh N đi làm thuê xa nhà nên anh N không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn được. Anh N có nhờ bà Th nói với Tòa án là “Đừng giải quyết ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H để cho con và chị H có điều kiện để hàn gắn với nhau”.

Tại biên bản xác minh tại địa phương nơi cư trú của anh N cũng thể hiện anh N đã rời khỏi địa phương từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Địa phương không rõ anh N làm gì, ở đâu. Thực tế, vợ chồng chị H, anh N đã ly thân được một thời gian nhất định, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị H, anh N đã trầm trọng. Nay chị H xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Như vậy, có thể khẳng định vợ chồng chị H, anh N mâu thuẫn căng thẳng và ly thân từ khoảng tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Anh N biết việc Tòa án nhân dân huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh N nhưng anh N cố tình không đến Tòa án để giải quyết. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ vì cuộc sống chung giữa chị H và anh N không có hạnh phúc, quan hệ hôn nhân đã mâu thuẫn ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần xử cho chị H được ly hôn anh N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng chị H, anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 07/9/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Tường M, sinh ngày 28/02/2012, hiện nay đều đang ở với chị H. Ly hôn, chị H xin được nuôi 02 con,

không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị H về việc được trực tiếp nuôi 02 con là chính đáng. Cháu Ng và cháu M cũng đều có nguyện vọng được ở với chị H. Anh N rời khỏi địa phương từ tháng 8/2023 cho đến nay. Anh N biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị H với anh N nhưng anh N không đến Tòa án để giải quyết nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H để giao cả hai cháu cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

- Về công nợ: Chị H xác nhận không có.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất canh tác, công sức đóng góp: Vì chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh N vắng mặt không có quan điểm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Anh Nguyễn Thành N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm e khoản 1 Điều 192, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Nguyễn Ngọc Ng, sinh ngày 07/9/2010 và cháu Nguyễn Ngọc Tường M, sinh ngày 28/02/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Anh Nguyễn Thành N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006796 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nguyễn Thành N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- UBND xã T, huyện Tam Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Nguyễn Thanh Thảo